



BỘ MÔN PHÂN TÍCH – KIỂM NGHIỆM ĐỀ THI LTTC KIỂM NGHIỆM THUỐC - LẦN 1
LỚP DƯỢC 2011 - MÃ ĐỀ 234

THỜI GIAN: 10 PHÚT NGÀY THI: 21-05-2015

1. Trong bài kiểm nghiệm thuốc tiêm B_{12} , hút chính xác 1 ml chế phẩm, cho vào bình định mức 25 ml, thêm nước cất tới vạch, lắc đều. Đo độ hấp thụ của dung dịch tại $\lambda_{\max}$ có giá trị là A_T . Hàm lượng vitamin B_{12} tính theo mcg/ml được tính theo công thức ($A1\%1cm = 207$)

- a. $C = (A_T \times 50 \times 10^6) / 207$
- b. $C = (A_T \times 25 \times 10^4) / 207$
- c. $C = (A_T \times 25 \times 10^3) / 207$
- d. $C = (A_T \times 50 \times 10^5) / 207$

2. Trong bài thuốc tiêm vitamin B_{12} , khi xác định độ trong cần tiến hành trên

- a. 5
- b. 20
- c. 10
- d. 6

3. Trong bài thuốc tiêm vitamin B_{12} , khi xác định độ đồng đều thể tích cần lấy ống

- a. 4
- b. 5
- c. 3
- d. 6

4. Trong công thức tính hàm lượng của clopheniramin trong thuốc bột hapacol

$$X(mg) = \frac{A_t}{A_c} \times \frac{a}{500} \times C\% \times 50 \times \frac{m}{p} = \frac{A_t}{A_c} \times \frac{a}{10} \times C\% \times \frac{m}{p}$$

Trong đó a là:

- a. Lượng cân chất chuẩn
- b. hàm lượng chất chuẩn
- c. độ ẩm
- d. Độ tinh khiết của chất chuẩn

5. Qui định về thử chỉ tiêu độ hòa tan của thuốc bột hapacol: g chế phẩm tan trong ml nước ở nhiệt độ 20-25 °C

- a. 5; 250
- b. 3; 100
- c. 1; 50
- d. 1; 5; 200

6. Để thử độ mịn của bột hapacol: tiến hành rây...25g..... bột thuốc

- a. 3 gói
- b. 1 gói
- c. 20 g
- d. 10 g

7. Định tính paracetamol trong thuốc bột hapacol, cần được thủy phân trong môi trường dùng thuốc thử để phát hiện

- a. HCl 10 %, $K_2Cr_2O_7$ 5%
- b. HCl 10 %, $K_2Cr_2O_4$ 5%
- c. NaOH %, $K_2Cr_2O_4$ 5%
- d. NaOH 10 %, $K_2Cr_2O_7$ 5%

8. Trong bài thực tập nang Paracetamol 500 mg; chỉ tiêu Định lượng. Sử dụng $A_{257} = 715$ để tính hàm lượng paracetamol:
- 715 là độ hấp thụ của dung dịch thử C_x tại bước sóng $\lambda = 257$ nm
 - 715 là độ hấp thụ của dung dịch chuẩn C_c tại bước sóng $\lambda = 257$ nm
 - 715 là độ hấp thụ của dung dịch chuẩn $C_c = 1\%$, $l = 1$ cm, $\lambda = 257$ nm
 - 715 là độ hấp thụ của dung dịch thử C_x ; $l = 1$ cm, $\lambda = 257$ nm
9. Trong bài thực tập nang Paracetamol 500 mg; chỉ tiêu định tính bằng phản ứng hóa học: đun sôi 0,1 g cặn với acid hydrocloric trong 3 phút, Thêm 1 giọt kali dicromat 5 % sẽ xuất hiện màu tím, không chuyển sang màu đỏ. Vai trò của acid hydrocloric:
- Phản ứng thủy phân paracetamol --> 4-aminophenol
 - Phản ứng oxi hóa paracetamol --> 4-aminophenol
 - Xúc tác cho phản ứng oxi hóa paracetamol --> 4-aminophenol
 - Điều chỉnh pH cho phản ứng oxihóa 4-aminophenol với kali dicromat
10. Trong bài thực tập nang Paracetamol 500 mg; chỉ tiêu Độ đồng đều khối lượng. Mẫu thử ĐẠT yêu cầu khi: "Không có nằm ngoài giới hạn so với và không được có nang nào có khối lượng vượt gấp đôi giới hạn đó".
- ≥ 2 nang có khối lượng bột thuốc; khối lượng ghi trên nhãn
 - ≥ 2 nang có khối lượng bột thuốc; khối lượng trung bình
 - > 2 nang có khối lượng bột thuốc; khối lượng ghi trên nhãn
 - > 2 nang có khối lượng bột thuốc; khối lượng trung bình
11. Trong bài thực tập nang Paracetamol 500 mg; chỉ tiêu Xác định 4-aminophenol.
- Được thực hiện bằng phương pháp HPLC
 - Được thực hiện bằng phương pháp quang phổ UV-Vis
 - Được thực hiện bằng phương pháp SKLM
 - Được thực hiện bằng phương pháp chuẩn độ thế
12. Khi xác định độ trong của thuốc nhỏ mắt Neodex theo phụ lục 11.8, mục B, ĐĐVN IV, sinh viên tiến hành với 20 đơn vị, có 1 đơn vị không đạt chỉ tiêu này, kết luận:
- Chưa kết luận được, phải tiến hành tiếp với 10 đơn vị nữa
 - Mẫu kiểm nghiệm đạt chỉ tiêu độ trong
 - Chưa kết luận được, phải tiến hành tiếp với 20 đơn vị nữa
 - Mẫu kiểm nghiệm không đạt chỉ tiêu độ trong
13. Phản ứng định tính dexamethason trong thuốc nhỏ mắt Neodex tiến hành trong môi trường kiềm với thuốc thử xanh tetrazolium 1% có mặt tetramethylamonium hydroxyd là phản ứng đặc trưng của cho dung dịch có màu
- 3- ceton, vàng (với HCL loãng, INH 0,05% trong MeOH)
 - Amin bậc 1 và axit amin, vàng cam
 - α - ceton, tím hồng
 - Amin bậc 1 và axit amin, tím đậm
14. Hệ số chuyển đổi từ quercetin dạng aglycol sang dạng glycosid
- 2,40
 - 2,51
 - 3,21
 - 3,70
15. Tiêu chuẩn dùng để kiểm nghiệm viên O.P.Can
- USP
 - TCVN
 - ĐĐVN IV
 - TCCS

16. Giới hạn cho phép của phép thử đồng đều khối lượng khi kiểm nghiệm viên O.P.Can

- a. $\pm 12 \%$
- b. $\pm 10 \%$
- c. $\pm 7,5 \%$
- d. $\pm 5 \%$

17. Phép thử định tính khi kiểm nghiệm viên O.P.Can là

- a. SKLM
- b. UV-Vis
- c. HPLC
- d. phản ứng hóa học

18. Trong kiểm nghiệm thuốc bột ORS, tủa kết tinh trắng tạo thành khi định tính ion K là do tạo thành muối ít tan của:

- a. Kali oxalat
- b. Kali tartrat
- c. Kali citrat
- d. Kali carbonat

19. Hòa tan 1.4 g chế phẩm Oresol trong 50 ml nước, đo pH, giá trị pH thu được của dung dịch phải nằm trong khoảng:

- a. 5,0 – 6,8
- b. 8,0 – 9,8
- c. 7,0 – 8,8
- d. 6,0 – 7,8

20. Dược điển Việt Nam quy định có dung dịch màu chuẩn

- a. 11
- b. 9
- c. 5 (Nâu, vàng nâu, vàng, vàng lục, đỏ)
- d. 7

21. Để xác định độ đồng đều thể tích chế phẩm đa liều > 50ml, cần lấy..... đơn vị

- a. 5
- b. 6
- c. 3
- d. 4

22. Khi tiến hành thử độ trong và màu sắc của thuốc bột pha tiêm Natri Penicilin G nếu có màu không được thâm hơn màu của dung dịch mẫu

- a. Chuẩn màu V
- b. V6
- c. N6
- d. N9

23. Khi thực tập kiểm nghiệm viên nén Sulfaguanidin, trong chỉ tiêu định lượng, sai số thường gặp nhất là do

- a. Nhiệt độ dung dịch định lượng không đúng theo yêu cầu
- b. Máy quá cũ
- c. Nhỏ giọt không đúng thể tích theo yêu cầu (lúc đầu nhỏ 2 ml/phút, cách điểm tương đương khoảng 1ml nhỏ 0,1 ml/phút)
- d. Thuốc không hòa tan hết

24. Kiểm nghiệm viên nén Sulfaguanidin, trong chỉ tiêu định lượng, sử dụng dung dịch chuẩn độ gì?

- a. dung dịch acid nitric
- b. dung dịch acid nitro
- c. dung dịch muối natri nitrat
- d. dung dịch muối natri nitrit**

25. Việc định lượng Sulfaguanidin có trong viên nén thuộc cơ chế

- a. Tạo Nitrozamin
- b. Tạo diazo hydrat
- c. Tạo muối azoni
- d. Tạo muối diazoni**

26. Sulfaguanidin thuộc nhóm(X) .. là những dẫn chất có nhóm(Y)..... trong phân tử

- a. (X) Sulfamethoxazol (Y) Sulfonamid ($-\text{SO}_2\text{NH}_2$)
- b. (X) Sulfamid (Y) Sulfonamid ($-\text{SO}_2\text{NH}_2$)**
- c. (X) Sulfathiazol (Y) Sulfonamid ($-\text{SO}_2\text{NH}_2$)
- d. (X) Lưu huỳnh (Y) Sulfur ($-\text{S}$)

27. Theo dược điển Việt Nam IV, trong chỉ tiêu định lượng sulfaguanidin, xác định điểm tương đương của chuẩn độ bằng

- a. a hoặc b**
- b. a và b
- c. Bước nhảy thế
- d. Sự chuyển màu của hỗn hợp chỉ thị xanh methylen và tropeolin 00

28. Khi định lượng sulfaguanidin bằng chuẩn độ điện thế, đến bước nhảy thế, học viên sẽ quan sát giá trịtrong máy chuẩn độ thế tăng vọt

- a. mV, pH
- b. nhiệt độ
- c. của nhiệt độ, mV, pH
- d. mV trong

29. Theo dược điển Việt Nam IV, trong chỉ tiêu định lượng sulfaguanidin, xác định điểm tương đương của chuẩn độ chính xác nhất bằng

- a. Sự chuyển màu của hỗn hợp chỉ thị xanh methylen và tropeolin 00
- b. a hoặc b
- c. a và b
- d. Bước nhảy thế

30. Trong phương pháp chuẩn độ nitrit, thao tác nào dưới đây sẽ dẫn đến sai số

- a. Thêm từng 0,1 ml dung dịch chuẩn độ suốt từ đầu đến lúc kết thúc chuẩn độ
- b. Cân lượng bột viên không tương ứng với chính xác 0,200 g sulfaguanidin
- c. Trong quá trình chuẩn độ lắc bình mạnh để tạo ra dòng xoáy không khí trong dung dịch
- d. Cho thêm không chính xác 2 g kali bromid